

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số **448**/CBTT-NSQT

Quảng Trị, ngày **13** tháng **8** năm 2024

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP nước sạch Quảng Trị thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã kiểm toán giữa niên độ năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:



### **1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

- Mã chứng khoán: NQT
- Địa chỉ: 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Tp Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0233 3855727 Fax: .....
- Email: qtwaco@gmail.com Website: qtwaco.vn

### **2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC giữa niên độ năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):
    - Có  Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - Có  Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):
    - Có  Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 13/8/2024 tại đường dẫn: qtwaco.vn

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC giữa niên độ năm 2024
- Văn bản giải trình LN sau thuế 6 tháng đầu năm biến động tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2023.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đào Bá Hiếu**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ( **VIETVALUES** )

*Công ty thành viên của JPA International*

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com)

Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



# **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO KỶ KÊ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM KẾT THÚC NGÀY 30/06/2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024	11 - 35

---





# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

## Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200041908 ngày 19/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/11/2016.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 151/2016/GCNCP-VSD ngày 23/11/2016 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là NQT.

Vốn điều lệ: 182.332.690.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2024: 182.332.690.000 đồng

### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại : 0233 3554 133

Email : qtwaco@gmail.com

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### 4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Bá Hiếu	Chủ tịch	18/11/2021	
Ông Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch	18/11/2021	
Ông Nguyễn Hà Hải	Thành viên	18/11/2021	
Ông Lê Văn Tư	Thành viên	18/11/2021	
Ông Trần Văn Hợi	Thành viên	18/11/2021	

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

### **4.2 Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban	28/05/2022	
Ông Nguyễn Đăng Tú	Thành viên	28/05/2022	
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	28/05/2022	

### **4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hà Hải	Giám đốc	01/12/2021	
Ông Lê Văn Tư	Phó Giám đốc	01/12/2021	
Ông Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc	01/04/2021	
Ông Lê Thành Ty	Phó Giám đốc	01/04/2021	
Bà Lê Thị Lưu	Kế toán trưởng	01/10/2022	

## **5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Bá Hiếu, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

## **6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 35.

## **7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## **8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 của Công ty.

## **9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

### **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

---

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**NGUYỄN HÀ HẢI**

**Giám đốc**

Quảng Trị, ngày 12 tháng 08 năm 2024





Số: 29/2024/BCKT/AUD-DNVVALUES

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 7 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần với các Báo cáo tài chính này, được trình bày tại Báo cáo soát xét số 1108.04-23/BCKT-TC/VAE ngày 11/08/2023 và Báo cáo kiểm toán số 1803.01-24/BC-TC/VAE ngày 18/03/2024.

*Tp. Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2024*

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES**



**Trần Xuân Thanh - Giám đốc Chi nhánh**

*Giấy CNĐKHN số: 1650-2023-071-1*

*Chữ ký được uỷ quyền*

**Nơi nhận:**

- *Như trên*
- *Lưu VIETVALUES*



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>109.345.935.180</b>	<b>93.767.551.825</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>16.120.277.914</b>	<b>8.942.020.745</b>
111	1. Tiền		16.120.277.914	8.942.020.745
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>60.390.168.345</b>	<b>46.867.237.313</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	60.390.168.345	46.867.237.313
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>14.069.346.469</b>	<b>19.272.009.316</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	11.689.720.757	14.198.283.787
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.909.181.513	4.534.220.189
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	683.775.899	752.837.040
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(213.331.700)	(213.331.700)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>18.605.906.672</b>	<b>15.629.493.758</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.7	18.605.906.672	15.629.493.758
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>160.235.780</b>	<b>3.056.790.693</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	160.235.780	586.032.760
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	2.455.642.685
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	15.115.248
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>194.766.282.076</b>	<b>204.322.850.307</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>187.090.114.755</b>	<b>198.320.518.008</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	186.274.527.204	197.428.502.757
222	- Nguyên giá		480.424.851.701	479.784.872.598
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(294.150.324.497)	(282.356.369.841)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	815.587.551	892.015.251
228	- Nguyên giá		1.509.554.000	1.509.554.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(693.966.449)	(617.538.749)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.374.962.621</b>	<b>348.848.987</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	2.374.962.621	348.848.987
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5.301.204.700</b>	<b>5.653.483.312</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	5.301.204.700	5.653.483.312
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>304.112.217.256</b>	<b>298.090.402.132</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

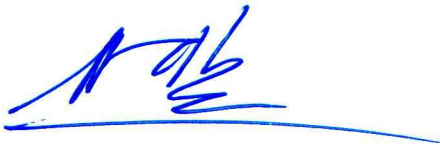
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
1	2	3	4	4
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>84.778.465.288</b>	<b>83.787.477.300</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>54.819.822.757</b>	<b>48.990.935.668</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	6.435.021.940	12.434.093.956
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	7.594.628.600	4.362.707.500
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	6.142.197.590	1.640.632.441
314	4. Phải trả người lao động	V.15	11.775.736.844	12.704.306.840
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.689.697.847	1.721.307.383
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	5.944.142.591	5.975.422.989
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	8.557.138.459	6.637.115.907
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	6.681.258.886	3.515.348.652
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>29.958.642.531</b>	<b>34.796.541.632</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	27.626.189.912	32.319.180.229
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.20	2.332.452.619	2.477.361.403
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>219.333.751.968</b>	<b>214.302.924.832</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.21	<b>219.333.751.968</b>	<b>214.302.924.832</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		182.332.690.000	182.332.690.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.332.690.000	182.332.690.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		20.239.987.540	15.228.159.900
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.761.074.428	16.742.074.932
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		16.761.074.428	16.742.074.932
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>304.112.217.256</b>	<b>298.090.402.132</b>

Người lập biểu



PHAN NGỌC LINH

Kế toán trưởng



LÊ THỊ LƯU



NGUYỄN HÀ HẢI

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

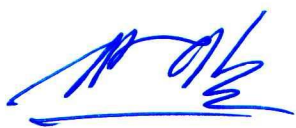
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>84.827.019.778</b>	<b>64.230.577.273</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>84.827.019.778</b>	<b>64.230.577.273</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	46.509.483.258	41.347.575.131
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>38.317.536.520</b>	<b>22.883.002.142</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	782.583.063	1.601.184.943
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	1.749.939.428	1.243.174.372
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.749.939.428	1.243.174.372
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	10.399.779.490	6.857.356.559
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	6.198.164.135	6.647.242.140
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>20.752.236.530</b>	<b>9.736.414.014</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.7	821.308.933	1.585.186.068
32	12. Chi phí khác	VI.8	559.454.911	1.030.778.505
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>261.854.022</b>	<b>554.407.563</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>21.014.090.552</b>	<b>10.290.821.577</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	4.253.016.080	2.061.713.128
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>16.761.074.472</b>	<b>8.229.108.449</b>
70	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	VI.9	<b>827</b>	<b>406</b>
71	<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	VI.10	<b>827</b>	<b>406</b>

Người lập biểu



PHAN NGỌC LINH

Kế toán trưởng



LÊ THỊ LƯU



NGUYỄN HÀ HẢI



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

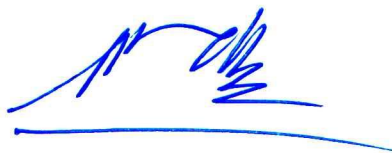
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		77.812.812.583	58.505.192.387
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(8.077.657.575)	(22.158.332.807)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(26.946.157.806)	(24.699.375.611)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.16, VI.4	(1.738.790.674)	(1.333.784.802)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(426.887.201)	(1.678.943.886)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.193.252.323	743.226.677
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.841.618.092)	(14.848.893.878)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>31.974.953.558</b>	<b>(5.470.911.920)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.099.911.777)	(817.026.016)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	248.621.914
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(21.936.082.574)	(16.369.917.712)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8.413.151.542	31.971.104.247
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		949.951.287	2.456.834.771
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(13.672.891.522)</b>	<b>17.489.617.204</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay	VII.1	(2.772.967.765)	(2.772.967.765)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.350.837.102)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(11.123.804.867)</b>	<b>(2.772.967.765)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>7.178.257.169</b>	<b>9.245.737.519</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>8.942.020.745</b>	<b>14.498.095.980</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>		<b>16.120.277.914</b>	<b>23.743.833.499</b>

Người lập biểu



PHAN NGỌC LINH

Kế toán trưởng



LÊ THỊ LƯU



NGUYỄN HÀ HẢI



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024.

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200041908 ngày 19/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/11/2016.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 151/2016/GCNCP-VSD ngày 23/11/2016 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là NQT.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Năm nay Công ty áp dụng giá bán lẻ nước sạch theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND Tỉnh Quảng Trị về việc quy định giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng trị. Điều này dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp nước sạch tăng 32%, trong khi giá vốn hàng bán chỉ tăng 12%, làm cho lợi nhuận gộp tăng 67% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... nào khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024.

**6. Cấu trúc Công ty**

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Thông tin khái quát về các đơn vị trực thuộc như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. XN Nước sạch Đông Hà	Thôn Phở Lại, xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
2. XN Nước sạch Triệu Hải	Số 11 Phan Bội Châu, phường 1, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị
3. XN Nước sạch Bến Hải	Số 263 Lê Duẩn, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
4. XN Nước sạch Đường 9	Khóm 3B, thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị
5. XN Xây lắp	Thôn Phở Lại, xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị
6. Trung tâm kiểm định đồng hồ và chống thất thoát	Số 02 Nguyễn Trãi, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
<b>7. Nhân viên</b>	
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 255 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 256 nhân viên).	
<b>II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN</b>	
<b>1. Năm tài chính</b>	
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.	
Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024.	
<b>2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán</b>	
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.	
<b>III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG</b>	
<b>1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng</b>	
Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.	
Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.	
<b>2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán</b>	
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.	



# **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

#### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Số tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

##### ***Các chi phí trả trước khác***

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b><u>Số năm khấu hao</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 15



# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Các khoản chi phí phải trả khác: chi phí phải trả được xác định dựa vào các hợp đồng ký kết trên cơ sở thực tế chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

##### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### **13. Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

##### *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu cung cấp nước sạch***

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu lắp đặt, xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Thu nhập khác***

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

## **16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

#### **18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Tiền mặt	464.027.873	61.278.624
Tiền gửi ngân hàng	15.656.250.041	8.880.742.121
<b>Cộng</b>	<b><u>16.120.277.914</u></b>	<b><u>8.942.020.745</u></b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng				
- Ngân hàng NNN&PTNN Việt Nam - CN Quảng Trị	17.370.456.900	17.370.456.900	17.079.313.100	17.079.313.100
- Ngân hàng BIDV - CN Quảng Trị	20.199.149.771	15.199.149.771	20.192.429.766	20.192.429.766
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Trị	22.820.561.674	22.820.561.673	6.433.494.447	6.433.494.447
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	-	-	3.162.000.000	3.162.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>60.390.168.345</u></b>	<b><u>55.390.168.344</u></b>	<b><u>46.867.237.313</u></b>	<b><u>46.867.237.313</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	11.689.720.757	14.198.283.787
Công nợ tiền nước	11.141.506.854	8.936.680.616
Các đối tượng khác	548.213.903	5.261.603.171
<b>Cộng</b>	<b><u>11.689.720.757</u></b>	<b><u>14.198.283.787</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho người bán là các đối tượng khác</b>	<b>1.909.181.513</b>	<b>4.534.220.189</b>
Công ty CP Tổng hợp Sỹ An	632.940.300	186.471.300
Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị	291.322.400	200.016.120
Công ty TNHH Thiết kế kiến trúc Thanh Hóa	214.248.000	-
Công ty cổ phần nhựa Đồng Nai	211.572.372	211.572.372
Các đối tượng khác	559.098.441	3.936.160.397
<b>Cộng</b>	<b><u>1.909.181.513</u></b>	<b><u>4.534.220.189</u></b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các đối tượng khác</b>	<b>683.775.899</b>	-	<b>752.837.040</b>	-
Tạm ứng CBCNV	317.437.625	-	118.329.225	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	31.550.000	-	131.550.000	-
Ban QLDA Đầu tư phát triển Cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận	174.801.419	-	174.801.419	-
Lãi dự thu	110.575.346	-	277.943.570	-
Các khoản phải thu khác	49.411.509	-	50.212.826	-
<b>Cộng</b>	<b><u>683.775.899</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>752.837.040</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6. Nợ xấu**

	<u>30/06/2024</u>			<u>01/01/2024</u>		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng</b>						
Các công trình thuộc dự án UnHabitat	>3 năm	76.048.000	-	>3 năm	76.048.000	-
Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu (đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến Hoàng Thị Ái)	1-2 năm	118.840.000	59.420.000	1-2 năm	118.840.000	59.420.000
Các đối tượng khác	>3 năm	48.202.000	-	>3 năm	48.202.000	-
Các đối tượng khác	2-3 năm	10.415.402	3.124.202	2-3 năm	10.415.402	3.124.202
Các đối tượng khác	1-2 năm	44.741.000	22.370.500	1-2 năm	44.741.000	22.370.500
<b>Phải thu khác</b>						
Ban QLDA Đầu tư Phát triển Cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận	> 3 năm	174.801.419	174.801.419	>3 năm	174.801.419	174.801.419
<b>Cộng</b>		<b><u>473.047.821</u></b>	<b><u>259.716.121</u></b>		<b><u>473.047.821</u></b>	<b><u>259.716.121</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	124.250.000	124.250.000
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	7.291.200	7.291.200
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	81.790.500	81.790.500
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>213.331.700</u></b>	<b><u>213.331.700</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2024</b>		<b>01/01/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Nguyên liệu, vật liệu	13.605.177.938	-	13.151.037.777	-
Công cụ, dụng cụ	2.800.000	-	89.646.000	-
Chi phí SXKD dở dang	4.997.928.734	-	2.388.809.981	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18.605.906.672</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>15.629.493.758</u></b>	<b><u>-</u></b>

Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thu tại ngày 30/06/2024.

Công ty không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay và nợ tại ngày 30/06/2024.

**8. Chi phí trả trước****8.a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	124.544.095	496.680.008
Chi phí sửa chữa TSCĐ	35.691.685	89.352.752
<b>Cộng</b>	<b><u>160.235.780</u></b>	<b><u>586.032.760</u></b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>Từ ngày 01/01/2024</b>	<b>Từ ngày 01/01/2023</b>
	<b>đến ngày 30/06/2024</b>	<b>đến ngày 30/06/2023</b>
Số dư đầu năm	586.032.760	544.874.986
Tăng trong kỳ	302.497.471	718.408.251
Phân bổ trong kỳ	728.294.451	603.616.281
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>160.235.780</u></b>	<b><u>659.666.956</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8.b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	1.915.218.062	1.848.205.053
Chi phí sửa chữa tài sản	3.144.809.826	3.493.805.716
Các khoản chi phí trả trước khác	241.176.812	311.472.543
<b>Cộng</b>	<b><u>5.301.204.700</u></b>	<b><u>5.653.483.312</u></b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:**

	<b>Kỳ này</b> <b>Từ ngày 01/01/2024</b> <b>đến ngày 30/06/2024</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>Từ ngày 01/01/2023</b> <b>đến ngày 30/06/2023</b>
Số dư đầu năm	5.653.483.312	1.600.639.269
Tăng trong kỳ	1.349.959.884	3.124.579.297
Phân bổ trong kỳ	1.702.238.496	673.401.182
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>5.301.204.700</u></b>	<b><u>4.051.817.384</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>P.tiện vận tải truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	126.079.840.901	42.762.375.994	308.604.707.004	2.337.948.699	479.784.872.598
Tăng trong kỳ, trong đó:					-
Mua sắm trong kỳ	-	193.730.010	-	77.426.000	271.156.010
Đ/tư XD/CB h/thành	266.095.189	-	102.727.904	-	368.823.093
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>126.345.936.090</u></b>	<b><u>42.956.106.004</u></b>	<b><u>308.707.434.908</u></b>	<b><u>2.415.374.699</u></b>	<b><u>480.424.851.701</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	63.922.759.457	29.254.690.487	188.927.705.908	251.213.989	282.356.369.841
Khấu hao trong kỳ	4.325.380.781	972.366.080	6.282.244.772	213.963.023	11.793.954.656
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>68.248.140.238</u></b>	<b><u>30.227.056.567</u></b>	<b><u>195.209.950.680</u></b>	<b><u>465.177.012</u></b>	<b><u>294.150.324.497</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	62.157.081.444	13.507.685.507	119.677.001.096	2.086.734.710	197.428.502.757
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>58.097.795.852</u></b>	<b><u>12.729.049.437</u></b>	<b><u>113.497.484.228</u></b>	<b><u>1.950.197.687</u></b>	<b><u>186.274.527.204</u></b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 70.125.157.716 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 58.804.369.284 đồng. (Xem thuyết minh số V.18)
- Công ty không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 30/06/2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	1.509.554.000	1.509.554.000
Tăng trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.509.554.000</b>	<b>1.509.554.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	617.538.749	617.538.749
Khấu hao trong kỳ	76.427.700	76.427.700
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>693.966.449</b>	<b>693.966.449</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	892.015.251	892.015.251
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>815.587.551</b>	<b>815.587.551</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 531.000.000 đồng.
- Công ty không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 30/06/2024.
- Công ty không có TSCĐ vô hình chờ thanh lý tại thời điểm 30/06/2024.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang TSCĐ</u>	<u>Kết chuyển khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>348.848.987</b>	<b>2.850.027.573</b>	<b>368.823.093</b>	<b>634.626.295</b>	<b>2.195.427.172</b>
- Công trình Cài tạo HTCN khi thực hiện dự án xây dựng chính trang, hoàn thiện đồng bộ CSHT khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 2	-	828.004.918	-	-	828.004.918
- Công trình Cài tạo hệ thống cấp nước Nam Đông Hà - Giai đoạn I	-	676.708.150	-	-	676.708.150
- Công trình lắp đặt Tuyến Đường Phan Đình Phùng - Khe Sanh	169.193.318	116.569.096	-	-	285.762.414
- Công trình XD nhà giao dịch KH	-	266.095.189	266.095.189	-	-
- Các công trình khác	179.655.669	962.650.220	102.727.904	634.626.295	404.951.690
<b>Chi phí sửa chữa tài sản</b>	<b>-</b>	<b>179.535.449</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>179.535.449</b>
- Sửa chữa tuyến D110 PVC KP 7 Cửa Việt (đoạn khoan qua Cảng)	-	175.038.811	-	-	175.038.811
- Chi phí sửa chữa tài sản khác	-	4.496.638	-	-	4.496.638
<b>Cộng</b>	<b>348.848.987</b>	<b>3.029.563.022</b>	<b>368.823.093</b>	<b>634.626.295</b>	<b>2.374.962.621</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả người bán là các đối tượng khác</b>	<b>6.435.021.940</b>	<b>12.434.093.956</b>
Công ty TNHH Thương mại và Chuyển giao Công nghệ Á Châu	2.785.292.617	773.564.177
Công ty cổ phần DNP HAWACO	1.173.290.464	87.004.800
Các đối tượng khác	2.476.438.859	11.573.524.979
<b>Cộng</b>	<b><u>6.435.021.940</u></b>	<b><u>12.434.093.956</u></b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác</b>	<b>7.594.628.600</b>	<b>4.362.707.500</b>
Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh Quảng Trị	2.714.800.000	-
Trung tâm PTQĐ Thành phố Đông Hà	2.079.657.000	2.175.272.000
Các đối tượng khác	2.800.171.600	2.187.435.500
<b>Cộng</b>	<b><u>7.594.628.600</u></b>	<b><u>4.362.707.500</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2024	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	15.115.248	127.740.956	67.384.000	45.241.708	-
Thuế TNDN	414.490.434	-	4.253.016.080	426.887.201	4.240.619.313	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.298.550	-	348.199.196	116.011.143	233.486.603	-
Thuế tài nguyên	80.652.310	-	346.696.180	365.598.450	61.750.040	-
Phí bảo vệ môi trường	939.755.228	-	7.089.116.520	6.700.396.796	1.328.474.952	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	204.435.919	-	620.022.389	591.833.334	232.624.974	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.640.632.441</u></b>	<b><u>15.115.248</u></b>	<b><u>12.784.791.321</u></b>	<b><u>8.268.110.924</u></b>	<b><u>6.142.197.590</u></b>	<b><u>-</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động cung cấp nước sạch là 5%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Kỳ này</b> <b>Từ ngày 01/01/2024</b> <b>đến ngày 30/06/2024</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>Từ ngày 01/01/2023</b> <b>đến ngày 30/06/2023</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.014.090.552	10.290.821.577
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác	189.006.022	17.744.063
- Các khoản điều chỉnh tăng	189.006.022	17.744.063
+ Các khoản chi phí không hợp lý	189.006.022	17.744.063
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	21.203.096.574	10.308.565.640
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ	4.240.619.314	2.061.713.128
thông		
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	12.396.766	-
vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.253.016.080</b>	<b>2.061.713.128</b>
 <i>Các loại thuế khác và lệ phí</i>		
Công ty kê khai và nộp theo quy định.		
<b>15. Phải trả người lao động</b>		
	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Tiền lương phải trả	11.775.736.844	12.704.306.840
<b>Cộng</b>	<b>11.775.736.844</b>	<b>12.704.306.840</b>
<b>16. Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Chi phí phải trả là các bên liên quan	-	-
Chi phí phải trả là các đối tượng khác	1.689.697.847	1.721.307.383
Trích trước chi phí lãi vay	777.727.530	766.578.776
Trích trước chi phí tiền ăn ca	-	166.833.696
Trích trước chi phí tiền điện	911.520.968	777.827.662
Trích trước chi phí phải trả khác	449.349	10.067.249
<b>Cộng</b>	<b>1.689.697.847</b>	<b>1.721.307.383</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả khác là các đối tượng khác</b>	<b>5.944.142.591</b>	<b>5.975.422.989</b>
Kinh phí công đoàn	354.390.336	414.303.535
Nhận ký cược, ký quỹ	817.486.182	628.079.182
Quỹ quay vòng dự án Un-Habitat	4.649.000.000	4.649.000.000
Các khoản phải trả khác	123.266.073	284.040.272
<b>Cộng</b>	<b>5.944.142.591</b>	<b>5.975.422.989</b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	-	-	-	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.637.115.907</b>	-	<b>2.772.967.765</b>	<b>4.692.990.317</b>	<b>8.557.138.459</b>
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.545.935.530	-	2.772.967.765	2.772.967.765	5.545.935.530
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.091.180.377	-	-	1.920.022.552	3.011.202.929
<b>Cộng</b>	<b>6.637.115.907</b>	-	<b>2.772.967.765</b>	<b>4.692.990.317</b>	<b>8.557.138.459</b>

**18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang ngắn hạn	Số cuối kỳ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>32.319.180.229</b>	-	-	<b>4.692.990.317</b>	<b>27.626.189.912</b>
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	8.318.898.333	-	-	2.772.967.765	5.545.930.568
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	24.000.281.896	-	-	1.920.022.552	22.080.259.344
<b>Cộng</b>	<b>32.319.180.229</b>	-	-	<b>4.692.990.317</b>	<b>27.626.189.912</b>

(1) Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) theo Hiệp định vay số 1514 VIE (SF) ký ngày 10/06/1997 giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á để tài trợ cho Dự án thứ hai nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh thành phố, thị xã. Theo hiệp định vay phụ ký ngày 28/08/1997 và phụ lục sửa đổi hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008; tổng số tiền vay là 83.189.032.943 đồng, được hoàn trả cho Bộ tài chính theo lịch chi tiết đính kèm phụ lục sửa đổi; Lãi suất vay là 5%/năm; Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày trả nợ đầu tiên.

(2) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng theo hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HDTD/790500020588 ngày 13/10/2022; Mục đích vay để đầu tư dự án “Công trình cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tân Lương công suất từ 15.000 m<sup>3</sup>/ngày-đêm đến 28.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

m3/ngày-đêm”; Tổng số tiền vay tối đa là 30.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 8 năm; Lãi suất vay cố định 7,9%/năm trong 3 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, hết thời hạn cố định lãi suất đã nêu, lãi suất điều chỉnh sẽ được áp dụng tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, và áp dụng theo công thức: Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân tại 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng (+) biên độ 1,5%/năm và điều chỉnh 3 tháng 1 lần cho đến hết thời hạn cho vay. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản bao gồm bể nước, máy móc trang thiết bị, vật tư, các hạng mục hạ tầng phụ trợ... hình thành từ dự án, có giá trị tối thiểu 73.934.000.000 đồng. (Xem thuyết minh số V.9).

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.176.011.310	1.618.719.861	96.100.000	2.698.631.171
Quỹ phúc lợi	2.170.189.842	1.689.705.117	130.900.000	3.728.994.959
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	169.147.500	84.485.256	-	253.632.756
<b>Cộng</b>	<b>3.515.348.652</b>	<b>3.392.910.234</b>	<b>227.000.000</b>	<b>6.681.258.886</b>

**20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	938.637.550	1.538.723.853	2.477.361.403
Trích lập quỹ	-	-	-
Đầu tư mua sắm TSCĐ	-	-	-
Khấu hao TSCĐ	-	144.908.784	144.908.784
Số dư tại ngày 30/06/2024	938.637.550	1.393.815.069	2.332.452.619

**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	182.332.690.000	10.747.840.900	14.944.042.608	208.024.573.508
Tăng trong kỳ	-	-	8.229.108.449	8.229.108.449
Trích lập các quỹ	-	4.480.319.000	(5.973.758.000)	(1.493.439.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(8.934.301.810)	(8.934.301.810)
Số dư tại ngày 30/06/2023	182.332.690.000	15.228.159.900	8.265.091.247	205.825.941.147
Số dư tại ngày 01/01/2024	182.332.690.000	15.228.159.900	16.742.074.932	214.302.924.832
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	16.761.074.472	16.761.074.472
Trích lập các quỹ	-	5.011.827.640	(8.391.237.874)	(3.379.410.234)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(8.350.837.102)	(8.350.837.102)
Số dư tại ngày 30/06/2024	182.332.690.000	20.239.987.540	16.761.074.428	219.333.751.968



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
UBND tỉnh Quảng Trị	51,00%	92.989.670.000	51,00%	92.989.670.000
Ông Ngô Ngọc Tùng	24,05%	43.860.000.000	24,05%	43.860.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,95%	45.483.020.000	24,95%	45.483.020.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>182.332.690.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>182.332.690.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	182.332.690.000	182.332.690.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	182.332.690.000	182.332.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.350.837.102	8.934.301.810

**d. Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.233.269	18.233.269
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu thường	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu thường	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Phân phối lợi nhuận**

Việc phân phối lợi nhuận năm 2023 được thực hiện theo nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 28/05/2024 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối trích lập quỹ đầu tư và phát triển 30%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành 10%, chia cổ tức cho các cổ đông số tiền 8.350.837.102 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: đồng)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Doanh thu hoạt động cung cấp nước sạch	80.595.314.900	60.720.150.955
Doanh thu hoạt động xây lắp, lắp đặt	4.172.425.025	3.425.324.548
Doanh thu hoạt động khác	59.279.853	85.101.770
<b>Cộng</b>	<b>84.827.019.778</b>	<b>64.230.577.273</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Giá vốn hoạt động cung cấp nước sạch	42.964.483.404	38.587.308.819
Giá vốn hoạt động xây lắp, lắp đặt	3.487.785.851	2.676.474.674
Giá vốn hoạt động khác	57.214.003	83.791.638
<b>Cộng</b>	<b>46.509.483.258</b>	<b>41.347.575.131</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	782.583.063	1.601.184.943
<b>Cộng</b>	<b>782.583.063</b>	<b>1.601.184.943</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí lãi vay	1.749.939.428	1.243.174.372
<b>Cộng</b>	<b>1.749.939.428</b>	<b>1.243.174.372</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí cho nhân viên	6.683.572.294	4.433.781.484
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ	3.127.325.828	1.494.074.231
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.352.666	5.352.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.912.762	547.674.482
Chi phí bằng tiền khác	492.615.940	376.473.696
<b>Cộng</b>	<b>10.399.779.490</b>	<b>6.857.356.559</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí nhân viên quản lý	3.421.982.260	3.470.985.840
Chi phí đồ dùng văn phòng	810.011.149	94.352.997
Chi phí khấu hao TSCĐ	362.183.495	177.815.172
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(87.400.710)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.690.741	568.819.964
Chi phí bằng tiền khác	1.480.296.490	2.422.668.877
<b>Cộng</b>	<b>6.198.164.135</b>	<b>6.647.242.140</b>

**7. Thu nhập khác**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Phí BVMT được giữ lại	761.287.510	574.628.407
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	248.621.914
Thu từ tiền hỗ trợ, đền bù	-	706.808.814
Các khoản thu nhập khác	60.021.423	55.126.933
<b>Cộng</b>	<b>821.308.933</b>	<b>1.585.186.068</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi các khoản liên quan phí BVMT được giữ lại	342.430.800	573.429.900
Phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp	189.007.770	5.744.063
Chi từ hỗ trợ, bồi thường	-	360.134.314
Chi phí khác	28.016.341	91.470.228
<b>Cộng</b>	<b>559.454.911</b>	<b>1.030.778.505</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.761.074.472	8.229.108.449
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.676.107.447)	(822.910.845)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.676.107.447)	(822.910.845)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	15.084.967.025	7.406.197.604
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	18.233.269	18.233.269
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>827</b>	<b>406</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/05/2024, Công ty dự kiến trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 10% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.233.269	18.233.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>18.233.269</b>	<b>18.233.269</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.084.967.025	7.406.197.604
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.084.967.025	7.406.197.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.233.269	18.233.269
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	<b>827</b>	<b>406</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ	19.296.903.630	13.117.497.065
Chi phí nhân công	28.981.703.933	25.096.931.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.725.473.572	9.791.455.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	603.940.496	1.116.494.446
Chi phí khác	5.108.524.005	6.085.756.217
<b>Cộng</b>	<b>65.716.545.636</b>	<b>55.208.134.808</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: đồng)****1. Tiền trả nợ gốc vay**

	Kỳ này Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Kỳ trước Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Tiền trả nợ gốc vay theo các kế ước thông thường	2.772.967.765	2.772.967.765
<b>Cộng</b>	<b>2.772.967.765</b>	<b>2.772.967.765</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ này		
			Lương, thưởng, thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Đào Bá Hiều	Chủ tịch HĐQT	327.026.692	4.259.400	331.286.092
2	Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	303.284.301	2.008.788.000	2.312.072.301
3	Nguyễn Hà Hải	Giám đốc, thành viên HĐQT	291.408.484	-	291.408.484
4	Lê Văn Tư	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	229.352.700	4.167.800	233.520.500
5	Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	278.074.400	3.251.800	281.326.200
6	Lê Thành Ty	Phó Giám đốc	284.920.810	3.068.600	287.989.410
7	Lê Thị Lưu	Kê toán trưởng	258.209.108	2.748.000	260.957.108
8	Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	264.073.595	-	264.073.595
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.236.350.090</b>	<b>2.026.283.600</b>	<b>4.262.633.690</b>

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Kỳ trước		
			Lương, thưởng, thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Đào Bá Hiều	Chủ tịch HĐQT	344.245.190	4.557.000	344.245.190
2	Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	317.631.662	980.000.000	317.631.662
3	Nguyễn Hà Hải	Giám đốc, thành viên HĐQT	309.948.463	-	309.948.463
4	Lê Văn Tư	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	276.464.737	4.459.000	276.464.737
5	Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	299.773.445	3.479.000	299.773.445
6	Lê Thành Ty	Phó Giám đốc	302.900.648	3.283.000	302.900.648
7	Lê Thị Lưu	Kê toán trưởng	265.813.524	2.940.000	265.813.524
8	Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	64.521.453	-	64.521.453
	<b>Tổng cộng</b>		<b>2.181.299.122</b>	<b>998.718.000</b>	<b>2.451.146.453</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, xây lắp, lắp đặt và hoạt động khác.

	Cung cấp nước		Hoạt động	Các khoản	
	sạch	Xây lắp, lắp đặt	khác	loại trừ	Cộng
<b>Kỳ này</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	80.595.314.900	4.172.425.025	59.279.853		84.827.019.778
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.595.314.900	4.172.425.025	59.279.853	-	84.827.019.778
Giá vốn bộ phận	42.964.483.404	3.487.785.851	57.214.003	-	46.509.483.258
Lợi nhuận gộp bộ phận	37.630.831.496	684.639.174	2.065.850	-	38.317.536.520
<b>Kỳ trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	60.720.150.955	3.425.324.548	85.101.770	-	64.230.577.273
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.720.150.955	3.425.324.548	85.101.770	-	64.230.577.273
Giá vốn bộ phận	38.587.308.819	2.676.474.674	83.791.638	-	41.347.575.131
Lợi nhuận gộp bộ phận	22.132.842.136	748.849.874	1.310.132	-	22.883.002.142

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

#### 4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường 1, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính .

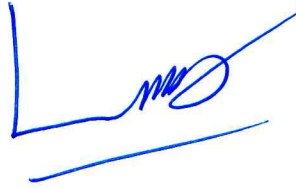
Quảng Trị, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu



**PHAN NGỌC LINH**

Kế toán trưởng



**LÊ THỊ LƯU**

Giám đốc



**NGUYỄN HÀ HẢI**





**GIẢI TRÌNH**

“Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 biến động tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2023”

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Về việc ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 V/v quy định về giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Thực hiện Văn bản số 402/SGDHN-QLNY ngày 22/03/2018 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin định kỳ.

Công ty CP Nước sạch Quảng Trị xin giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 biến động tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể:

**Bảng so sánh lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2024	Tăng (+) Giảm (-)
1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	20.752.236.530	9.736.414.014	11.015.822.516
2. Lợi nhuận khác	261.854.022	554.407.563	-292.553.541
3. Lợi nhuận trước thuế	21.014.090.552	10.290.821.577	10.723.268.975
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.253.016.080	2.061.713.128	2.191.302.952
5. Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.761.074.472	8.229.108.449	8.531.966.023

Nguyên nhân:

Từ ngày 1/1/2024 Công ty áp dụng thay đổi mức giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị, vì vậy doanh thu hoạt động sản xuất nước sạch 6 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ 2023: 20.597 triệu đồng;

Bên cạnh việc thay đổi giá bán nước sạch, một số khoản mục chi phí giá thành sản xuất nước cũng có sự biến động tăng trong năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 như: Chi phí tiền lương, chi phí bán hàng, chi phí trả mua nước thô, chi phí khấu hao TSCĐ (tăng do đầu tư nâng công suất nhà máy)...Chi phí sản xuất nước 6 tháng đầu năm 2024 tăng 8.255 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2023;

Lợi nhuận của hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2024 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023 nguyên nhân nguồn tiền gửi có kỳ hạn của công ty giảm do giải ngân thực hiện các dự án đầu tư, và biến động lãi suất của ngân hàng;

Lợi nhuận hoạt động khác 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân 6 tháng đầu năm 2024 công ty không thanh lý TSCĐ;

Công tác triển khai đầu tư thực hiện các dự án phát triển của công ty hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý nên chưa phát sinh chi phí trong 6 tháng đầu năm 2024.

Trên cơ sở các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023: 10.723 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế tăng 8.532 triệu đồng tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2023.

Trên đây là giải trình về sự thay đổi lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu TCKT, VT



**Nguyễn Hà Hải**